

Số: /KH-SYT

Hậu Giang, ngày tháng năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh trên địa bàn tỉnh Hậu Giang đến năm 2030

Thực hiện Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030; Quyết định số 2539/QĐ-BYT ngày 24 tháng 05 năm 2021 của Bộ Y tế về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030; Công văn số 1740/UBND-NCTH ngày 17 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc ủy quyền cho Sở Y tế phê duyệt các chương trình, đề án, kế hoạch của ngành Y tế; Công văn số 3313/VP.UBND-NCTH ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Văn phòng UBND tỉnh Hậu Giang về việc tổ chức rà soát các kế hoạch ngành Y tế. Sở Y tế tỉnh Hậu Giang ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh trên địa bàn tỉnh Hậu Giang đến năm 2030, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phổ cập dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe (KSK) trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh nhằm nâng cao chất lượng dân số góp phần thực hiện thành công Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

- 100% lãnh đạo, các cấp ủy Đảng chính quyền, ban ngành đoàn thể được cung cấp thông tin về chính sách, vai trò, lợi ích của thực hiện KSK trước khi kết hôn, SLTS và sơ sinh; ban hành văn bản chỉ đạo, kế hoạch về KSK trước khi kết hôn, SLTS và sơ sinh.

- 90% cặp nam, nữ thanh niên được tuyên truyền, tư vấn về lợi ích, vai trò và những hậu quả không thực hiện KSK trước khi kết hôn; 100% phụ nữ mang thai được tuyên truyền, tư vấn về lợi ích, vai trò và những hậu quả không thực hiện SLTS và sơ sinh.

- Tỷ lệ người dân trong cộng đồng tiếp cận được những thông tin, kiến thức cơ bản về KSK trước khi kết hôn, SLTS, sơ sinh đạt 80% năm 2025; 100% năm 2030.

- Tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, KSK trước khi kết hôn đạt 70% năm 2025; 90% năm 2030.

- Tỷ lệ phụ nữ mang thai được SLTS ít nhất 4 loại bệnh, tật bẩm sinh phổ biến đạt 50% năm 2025; 70% năm 2030; Tỷ lệ trẻ sơ sinh được SLSS ít nhất 5 loại bệnh, tật bẩm sinh phổ biến nhất đạt 80% năm 2025; 90% năm 2030.

- Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có điểm, cơ sở cung cấp dịch vụ tư vấn, KSK trước khi kết hôn; sàng lọc trước sinh; sàng lọc sơ sinh theo hướng dẫn chuyên môn đạt 70% năm 2025; 90% năm 2030.

- Tỷ lệ cơ sở y tế tuyến huyện trở lên đủ năng lực cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc trước sinh; sàng lọc sơ sinh theo hướng dẫn chuyên môn đạt 70% năm 2025; 90% năm 2030.

- Duy trì 100% mạng lưới cán bộ làm công tác tư vấn, tuyên truyền vận động đối tượng tham gia thực hiện khám sức khỏe trước khi kết hôn, SLTS và sơ sinh từ tỉnh đến ấp, khu vực.

- 100% xã, phường, thị trấn thành lập mới hoặc duy trì sinh hoạt câu lạc bộ “Khỏe mẹ, khỏe con gia đình hạnh phúc”, câu lạc bộ “Tiền hôn nhân”, câu lạc bộ “Sàng lọc trước sinh, sơ sinh”.

- Tỷ lệ cán bộ công tác tại các cơ sở y tế, cộng tác viên dân số được tập huấn, đào tạo và cập nhật kiến thức, kỹ năng hàng năm về các siêu âm, lấy mẫu, xét nghiệm, kỹ năng tư vấn, tuyên truyền vận động đối tượng thực hiện KSK trước khi kết hôn, SLTS và sơ sinh đạt 90% vào năm 2025; 100% năm 2030.

II. THỜI GIAN, PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG

1. Thời gian thực hiện: Từ năm 2022 đến năm 2030.

2. Phạm vi triển khai: Kế hoạch được triển khai, thực hiện trên phạm vi toàn Tỉnh.

3. Đối tượng

- Đối tượng thụ hưởng: Vị thành niên; nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ; phụ nữ mang thai thai nhi và trẻ sơ sinh;

- Đối tượng tác động: Người dân trong toàn Tỉnh, ban, ngành, đoàn thể, cán bộ y tế, dân số, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Chương trình.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG

1. Hoàn thiện cơ chế chính sách về tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh

- Tham mưu ban hành nghị quyết, kế hoạch, văn bản chỉ đạo thực hiện Chương trình; phân công, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng địa phương, cơ quan, đơn vị; thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện; có biện pháp điều chỉnh kịp thời, phù hợp với thực tiễn trong từng giai đoạn.

- Rà soát, bổ sung và hướng dẫn thực hiện các chính sách về tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh cho các đối tượng thuộc

hộ nghèo, hộ cận nghèo, bảo trợ xã hội; người dân tại các ấp, khu vực đặc biệt khó khăn; xã thuộc vùng dân tộc thiểu số; vùng nhiễm chất độc đioxin được sử dụng miễn phí gói dịch vụ cơ bản của Chương trình; chính sách hỗ trợ cho các đối tượng là cộng tác viên dân số, nhân viên y tế ấp, khu vực khi tư vấn, vận động đối tượng sử dụng các gói dịch vụ cơ bản;

- Phổ biến và hướng dẫn thực hiện xã hội hóa cung ứng dịch vụ tư vấn, KSK trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh; hướng dẫn thực hiện quy trình chuyên môn kỹ thuật; tiêu chuẩn của cơ sở cung cấp dịch vụ về tư vấn, KSK trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh, sơ sinh.

2. Tuyên truyền vận động và huy động lãnh đạo, các cấp ủy Đảng chính quyền, ban ngành đoàn thể, xã hội

- Cung cấp thông tin về các hoạt động của Chương trình tới chính quyền các cấp. Tuyên truyền, vận động các đoàn thể, tổ chức, người có uy tín trong cộng đồng và người dân ủng hộ, tham gia thực hiện Chương trình. Lồng ghép với các hoạt động, chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ liên quan.

- + Cung cấp thông tin cho cấp ủy đảng, chính quyền về các hoạt động của Chương trình; chỉ đạo người dân và cộng đồng thực hiện các hoạt động của Chương trình;

- + Phối hợp với Báo Hậu Giang, Đài phát thanh, Đài Truyền hình,... Tăng cường phát sóng, đăng tải tin bài phóng sự; Nhân bản, phát hành các sản phẩm, tài liệu truyền thông, tư vấn (*Băng đĩa, pano, tờ rơi, áp phích...*) về cung cấp và sử dụng dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh.

- Đẩy mạnh tư vấn cộng đồng, vận động thanh niên thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; phụ nữ mang thai thực hiện sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh; trẻ sơ sinh được thực hiện sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh bẩm sinh.

3. Phát triển mạng lưới dịch vụ

- Mở rộng khả năng tiếp cận của người dân với các dịch vụ có chất lượng về tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh.

- + Tổ chức tập huấn về tư vấn, quản lý KSK trước khi kết hôn và sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh cho cán bộ chương trình, cộng tác viên dân số, nhân viên y tế ấp, khu vực;

- + Thiết lập hệ thống sổ sách mẫu biểu ghi chép theo dõi đối tượng, báo cáo thống kê trẻ; lập hồ sơ quản lý và theo dõi thai phụ mắc nguy cơ cao trong việc sinh con có dị tật, dị dạng, mắc các bệnh chuyển hóa, di truyền;

- + Thành lập mới hoặc duy trì hoạt động các câu lạc bộ “Tiền hôn nhân”, câu lạc bộ “Sàng lọc trước sinh, sơ sinh”, câu lạc bộ “Khỏe mẹ, khỏe con gia

đình hạnh phúc” tại địa phương, tăng cường hoạt động, sinh hoạt thường xuyên và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động.

- Đầu tư, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các điểm, cơ sở, trung tâm cung cấp dịch vụ tư vấn, KSK trước khi kết hôn; sàng lọc trước sinh; sàng lọc sơ sinh, ưu tiên các địa bàn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng nhiễm chất độc dioxin.

- Đào tạo cán bộ, nhân viên kỹ thuật phục vụ sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh. Đào tạo liên tục cho cán bộ y tế, dân số, cộng tác viên dân số, nhân viên y tế ấp, khu vực, người cung cấp dịch vụ.

- + Quy hoạch, đào tạo cán bộ tuyến tỉnh, huyện về siêu âm hình thái, kỹ thuật lấy mẫu máu, quản lý đối tượng, thống kê báo cáo và kiến thức về KSK trước khi kết hôn, SLTS và sơ sinh.

- + Tổ chức lớp tập huấn, đào tạo kỹ năng tuyên truyền, tư vấn, quản lý đối tượng thực hiện SLTS và sơ sinh cho cán bộ tuyến tỉnh, huyện, xã và cộng tác viên. Đào tạo, tập huấn kiến thức, kỹ năng tuyên truyền vận động, quản lý đối tượng.

- Mở rộng các loại hình cung cấp dịch vụ của các cơ sở y tế trong và ngoài công lập phù hợp với từng nhóm đối tượng, từng địa bàn theo hướng bảo đảm mọi người dân tiếp cận, sử dụng các dịch vụ cơ bản tại xã; được tư vấn trước, trong và sau khi sử dụng dịch vụ. Giám sát chất lượng dịch vụ của các cơ sở y tế, bao gồm cả khu vực ngoài công lập.

4. Nghiên cứu khoa học

- Phối hợp với Trung ương nghiên cứu mô hình bệnh tật, xây dựng bản đồ dịch tễ đối với các bệnh tật cần sàng lọc trên phạm vi toàn Tỉnh.

- Giám sát đánh giá kết quả thực hiện Chương trình.

5. Huy động nguồn lực

Đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh, sơ sinh; tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Chương trình; huy động toàn bộ mạng lưới y tế, dân số tham gia theo chức năng, nhiệm vụ được giao; chú trọng triển khai hoạt động ở tuyến cơ sở.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Tổng kinh phí: **18.716.988.000** đồng (*Mười tám tỷ bảy trăm mười sáu triệu chín trăm tám mươi tám ngàn đồng*), cụ thể:

1. Kinh phí cấp tỉnh là: 8.951.988.000 đồng;

Nguồn kinh phí thực hiện: từ nguồn sự nghiệp y tế (căn cứ vào khả năng cân đối nguồn sự nghiệp y tế hàng năm để bố trí thực hiện kế hoạch phù hợp) và các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

2. Kinh phí cấp huyện là: 9.765.000.000 đồng (*Bao gồm các hoạt động cho chỉ tiêu thành lập mới hoặc duy trì sinh hoạt câu lạc bộ “Khỏe mẹ, khỏe con gia đình hạnh phúc”, câu lạc bộ “Tiền hôn nhân”, câu lạc bộ “Sàng lọc trước*

sinh, sơ sinh” và các hoạt động khác theo tình hình thực tế địa phương để chương trình đạt hiệu quả cao).

Kinh phí cấp huyện giao cho UBND huyện, thị xã, thành phố cân đối, cấp bổ sung theo tình hình thực tế địa phương để triển khai thực hiện Kế hoạch.

Đơn vị tính: đồng

Stt	Thời gian	Tổng kinh phí	Cấp tỉnh	Cấp huyện
1	Năm 2022	2.295.068.000	1.170.068.000	1.125.000.000
2	Năm 2023	1.994.365.000	914.365.000	1.080.000.000
3	Năm 2024	1.994.365.000	914.365.000	1.080.000.000
4	Năm 2025	2.010.365.000	930.365.000	1.080.000.000
5	Năm 2026	2.211.865.000	1.131.865.000	1.080.000.000
6	Năm 2027	1.994.365.000	914.365.000	1.080.000.000
7	Năm 2028	1.994.365.000	914.365.000	1.080.000.000
8	Năm 2029	1.994.365.000	914.365.000	1.080.000.000
9	Năm 2030	2.227.865.000	1.147.865.000	1.080.000.000
Tổng kinh phí		18.716.988.000	8.951.988.000	9.765.000.000

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Theo tinh thần nội dung Công văn số 1740/UBND-NCTH ngày 17 tháng 9 năm 2022 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc ủy quyền cho Sở Y tế phê duyệt các các chương trình, đề án, kế hoạch của ngành Y tế.

Các sở ban ngành, đoàn thể căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp và hỗ trợ Sở Y tế trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch.

1. Sở Y tế

- Giao Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình là cơ quan thường trực tham mưu Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện các nội dung của Kế hoạch; bổ sung danh mục các bệnh tật thuộc gói dịch vụ cơ bản, danh mục mở rộng các bệnh tật thuộc Kế hoạch phù hợp với phát triển của khoa học công nghệ, chuyên môn kỹ thuật.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá; tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kế hoạch theo quy định.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Sở Y tế trong việc triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ về nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật mới trong việc sàng lọc, chẩn đoán, điều trị bệnh tật trước khi kết hôn, trước sinh, sơ sinh.

3. Ban Dân tộc

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan rà soát, bổ sung, hướng dẫn triển khai, thực hiện các chương trình, đề án, dự án và các chính sách về tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn, SLTS, SLSS tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

4. Sở Tư pháp

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan rà soát, bổ sung và hướng dẫn thực hiện các chính sách pháp luật về tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn.

5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, sở, ngành liên quan rà soát, bổ sung và hướng dẫn thực hiện các chính sách về tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn, tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh, sơ sinh cho các đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, bảo trợ xã hội; người dân tại các ấp, khu vực đặc biệt khó khăn; xã thuộc vùng dân tộc thiểu số; vùng nhiễm chất độc đioxin.

6. Sở Tài chính

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch theo đúng quy định. Hàng năm phối hợp với Sở Y tế trên cơ sở kế hoạch ban hành, bố trí nguồn kinh phí theo khả năng của địa phương, sở ngành để triển khai thực hiện.

7. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Y tế, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố lồng ghép các mục tiêu của Kế hoạch vào nội dung kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh hàng năm.

8. Báo Hậu Giang, Đài phát thanh và Truyền hình Hậu Giang

Xây dựng, thực hiện kế hoạch tuyên truyền rộng rãi nội dung của Kế hoạch tạo sự đồng thuận, thống nhất nhận thức và sự ủng hộ của các tầng lớp Nhân dân về công tác dân số, nâng cao chất lượng dân số, khám sức khỏe trước khi kết hôn, SLTS, SLSS. Tăng cường tuyên truyền, vận động trên các phương tiện thông tin đại chúng, xây dựng chuyên trang, chuyên mục, thường xuyên, liên tục tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, kiến thức về dân số, đặc biệt là KSK trước khi kết hôn, SLTS, SLSS trong toàn Tỉnh.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể tỉnh

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp Sở Y tế (*Chi cục Dân số - KHHGD tỉnh*) lồng ghép các hoạt động trong các chương trình, kế hoạch của đơn vị để thực hiện Kế hoạch, đặc biệt là đẩy mạnh công tác phổ biến, tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia hoạt động khám sức khỏe trước khi kết hôn, SLTS, SLSS.

10. UBND huyện, thị xã, thành phố

Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện các hoạt động của Kế hoạch; chỉ đạo các cơ quan chuyên môn và đơn vị có liên quan phối hợp thực hiện Kế hoạch; bố trí đủ nguồn lực từ ngân sách địa phương thực hiện toàn diện, đồng bộ công tác dân số đã được phân cấp theo quy định; lồng ghép có hiệu quả các hoạt động của Kế hoạch với các hoạt động của các chương trình, dự án của địa phương đang thực hiện trên địa bàn, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm; kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Thường trực BCĐ Công tác Dân số và Phát triển (*Chi cục Dân số - KHHGĐ*) tổng hợp, báo cáo Sở Y tế tham mưu Trưởng ban BCĐ đề có hướng dẫn, triển khai thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế, Tổng cục DS-KHHGĐ (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- Chi cục Dân số - KHHGĐ tỉnh;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VP.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Tùng